

“VIỆT HÓA THẦN NGOẠI” TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP TÂM LINH CỦA NGƯỜI THĂNG LONG THỜI LÝ (Nhìn từ Chùa Vua - Hà Nội)

NGUYỄN MẠNH CUÔNG^(*)

Trong quá trình hội nhập và tiếp thu các yếu tố tôn giáo ngoại sinh, người Việt, từ xa xưa đã luôn thể hiện một cá tính khá riêng biệt. Tuy tiếp thu các yếu tố tâm linh bên ngoài nhưng vẫn có ý muốn chỉnh trang các loại hình tín ngưỡng tâm linh này sao cho phù hợp với tâm lí, lối sống của mình chứ chứ nhất quyết không chịu sao chép nguyên mẫu một mẫu hình nào kể cả đó là thần thánh.

Trong cuộc chiến bảo vệ giang san đất nước, bên cạnh việc chống lại ngoại xâm, người Việt còn phải chiến đấu trên lĩnh vực văn hoá tín ngưỡng để làm sao bảo tồn được sắc thái dân tộc, sắc thái văn hoá đặc trưng người Việt. Vì vậy, đối với Phật giáo và các tôn giáo cổ đại Ấn Độ, người Việt luôn tiếp thu và chịu ảnh hưởng của văn hoá tín ngưỡng này, làm nền tảng cho hệ tư tưởng chính trị, nhằm chống lại sự đồng hoá của phong kiến phương Bắc. Chúng tôi rất thích ý tưởng của nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hinh khi ông gọi đó là *cơ tầng văn hoá Việt Ấn* - một vũ khí tư tưởng tâm linh quan trọng chống lại các tôn giáo khác tràn từ phương Bắc xuống⁽¹⁾.

Trong quá trình hội nhập và tiếp thu các yếu tố văn hoá tâm linh của người Việt với các yếu tố tâm linh ngoại sinh, người Việt luôn cố gắng Việt hoá để biến nó phù hợp với tâm sinh lí của người Việt Nam. Trong quá trình tiếp thu các tôn giáo bên ngoài, hình ảnh các tượng thần, các vị thần đáng tôn kính là vậy song một mô thức Việt hoá các tượng thần và thần luôn là nhu cầu của người Việt trong mọi thời đại; nhất là với thời Lý - vương triều phong kiến độc lập đầu tiên của nhà nước Đại Việt. Việt hoá các thần ngoại là một ý tưởng hay cần được nghiên cứu một cách toàn diện và đầy đủ, chỉ tiếc rằng thời gian, thời tiết và chiến tranh đã phá hủy khá nhiều các dấu tích lịch sử này nên gây nhiều khó khăn cho công tác nghiên cứu.

Trong bài viết này, chúng tôi đang cố mày mò truy tìm nguồn gốc một vị thần hiện vẫn đang được thờ tại chùa Vua (Thăng Long - Hà Nội) có tên gọi là Đế Thích - Vua Cờ. Thật tình với ít tư liệu có trong tay, bài viết này chúng tôi không nghĩ rằng sẽ giải quyết triệt để vấn đề

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Nguyễn Duy Hinh. *Một số bài viết về tôn giáo học*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2007.

mà chỉ như một giả thiết nghiên cứu làm cơ sở cho các công trình nghiên cứu về sau.

1. Vài nét về Chùa Vua

Chùa Vua là tên gọi chung của cụm di tích gồm chùa Hưng Khánh và điện Thiên Đế thờ Đế Thích. Về lịch sử dựng đền, sách sử chép: Vì thấy Đế Thích là bậc cờ cao, nên một ông hoàng đời Lê (1428-1527) đem lòng hâm mộ, lập một ngôi đền thờ ở làng Thịnh Yên, tổng Hậu Nghiêm, huyện Thọ Xương, về phía đông đàn Nam Giao, tức là chỗ Chùa Vua ngày nay. Trước đó nơi này là cung Thừa Lương của nhà Lê, phía trước có hồ bán nguyệt, nước trong mát, thường chỉ dành riêng cho các bà chúa đến tắm gội. Ngay từ khi mới ra đời, chùa Vua đã gắn bó mật thiết với đời sống văn hoá của kinh thành Thăng Long.

Chùa Vua tọa lạc theo hướng Đông Nam, trên khu đất rộng, sát chợ Giời (còn gọi là chợ Hòa Bình). Trước đây, di tích có quy mô kiến trúc lớn gồm chùa Khánh Hưng và Điện Thích Đế. Hai kiến trúc này được quy hoạch hoàn chỉnh và nằm sát bên nhau trong một không gian thống nhất.

Chùa có Tam bảo kiến trúc theo dạng hình chữ đinh, điện mẫu, hành lang và cổng tam quan.

Điện thờ có nhà Tiên tế, tòa Hậu cung, tam quan, nhà bia và khu bàn cờ. Qua những biến đổi, thăng trầm của lịch sử một số bộ phận kiến trúc quan trọng của di tích đã bị phá huỷ. Hiện tại, chùa chỉ còn lại hai cổng tam quan, điện thờ Đế Thích, khu nhà mẫu và dãy hành lang.

Hai cổng tam quan của chùa Khánh Hưng và Điện Thiên Đế được xây dựng giống nhau kiểu trụ biểu kết hợp với các

mảng tương ứng hợp thành. Trong hai kiến trúc này, cổng điện Thiên Đế được bảo tồn khá nguyên vẹn. Tam quan điện Đế Thích được xây dựng ở trước cách nhà Tiên tế khoảng 10m. Hai cột chính được nằm cách xa nhau để mở lối vào. Trụ có mặt cắt ngang hình vuông, ngọn cột biểu đắp nổi 4 chim phượng chụm đầu đuôi vào nhau thành hình trái giảnh. Phượng có đuôi vươn cao, đầu hướng ra góc trụ. Dưới trái giảnh có lớp trang trí 4 mặt hồ phù nhìn ra 4 hướng. Tiếp đến là các ô lồng hình vuông trang trí đề tài "tứ linh". Các linh vật này được đắp nổi khối, bề mặt của thân gắn những mảnh sứ trắng hoa lam trông rất vui mắt.

Hai cột nhỏ được xây đơn giản, đỉnh đặt một tượng nghệ đang trông vào trụ chính. Nối hai cột chính và phụ là mảng tường thấp, ở chính giữa mở cửa nách nhỏ kiểu "hai tầng tám mái" với các đao cong ngược lên. Sau cửa chính có một đường gạch nhỏ chạy qua sân, vườn để dẫn vào khu đền thờ.

Điện Thiên Đế có quy mô kiến trúc lớn gần nhà Tiên tế và Hậu cung. Hai nếp nhà này gắn kết với nhau bằng hệ thống tường bao khép kín. Nhà tiên tế gồm 5 gian xây gạch kiểu tường hồi bít đốc, mái lợp ngói vẩy cá. Mặt trước xây tường cao vượt lên trên diềm mái khoảng 1,5m. Phân cách các gian bằng những trụ biểu nhỏ. Đỉnh của các trụ đều đặt tượng nghệ. Phần vượt cao trên mái được trang trí khá cầu kỳ. Các góc đao làm cong ngược lên. Ngọn đao của tầng mái trên trang trí đầu kìm. Các đao dưới đắp cao hình một con rồng chạy dọc theo bờ dải. Rồng được uốn gập ở phần cổ vươn đầu để nhìn lên mái trên. Thân rồng kết hợp với vân mây và uốn khúc nhịp nhàng. Bờ nóc trang trí hai đầu rồng chầu vào hình

mặt trời đứng trên đầu hổ phù. Cổ diêm giữa hai mái chia thành ba ô để trang trí. Ô giữa đắp nổi một con rồng lớn đang hút nước. Hai ô bên có hai chim phượng châu vào. Hai bên của lầu tám mái làm theo dạng cuốn thư, mặt ngoài trang trí đề tài cúc lão và các hình bát bửu của đạo Phật.

Bộ khung nhà Tiên đường được tạo dựng chắc chắn trên 6 bộ vì lớn. Các vì này đều có kết cấu giống nhau kiểu “thượng rường + giá chiêng + hạ kẻ”. Bốn bộ vì giữa làm thành hệ thống cột nách để trang trí. Mỗi bộ vì có bốn hàng chân, mái phân “thượng tứ, hạ ngũ”. Cột của các vì có hình đồng đòng. Cột cái đường kính 0,42m, cột quân nhỏ hơn: 0,30m. Khung nhà được bào trơn, bào soi nên tạo cảm giác nhẹ nhàng. Các câu đầu được điểm xuyết các hình văn thực vật, vân mây. Hai mặt của các bức cốn nách được trang trí văn chữ triện, văn thực vật.

Lòng nhà Tiên tế chia thành 5 gian không đều nhau. Mặt nền lát gạch vuông màu đỏ sẫm, kích thước 0,20m x 0,20m. Sát tường hậu của hai gian hồi xây bệ gạch cao để đặt tượng Đức Ông và Thánh Tăng. Gian giữa có một hương án lớn để bày đồ tự khí và các pho tượng thờ. Trên ban thờ này treo hoành phi, câu đối, cửa võng, sơn son, thếp vàng nhằm tôn vinh vị thần được thờ.

Thượng điện là ngôi nhà dọc 4 gian nối với chính giữa tiên đường, được xây trên khu nền cao 0,60m so với xung quanh. Bộ khung đỡ mái của nhà Thượng điện khá đơn giản và gồm hai loại vì khác nhau. Ba bộ vì của các gian trong làm theo kiểu “thượng rường - hạ kẻ”. Vì ngoài cũng sát với Tiên đường có kết cấu kiến trúc dạng chông rường. Các con rường được chông khít lên nhau tạo

thành những bức cốn để trang trí. Tại đây, phần trên giữa hai cột cái treo bức chạm lớn có đề tài “Lưỡng long châu nguyệt”, hai cốn nách chạm nổi, chạm lộng tứ linh. Bốn linh vật này được dàn trải trên khắp bề mặt của bức cốn. Rồng ở vị trí trung tâm và có đầu nổi cao, mũi nở, mắt lồi. Râu và tóc của con rồng kết thành những đao nhọn chia về phía sau. Rồng có đuôi xoắn, thân uốn khúc nhẹ nhàng và đang ẩn hiện trong các cụm mây. Tuy được ra đời ở thế kỉ XIX song những mảng trang trí này rất sinh động, ưa nhìn.

Tại gian Thượng điện, phần rộng giữa hai hàng cột cái xây những bệ gạch cao dần từ ngoài vào để làm nơi toạ lạc cho các nhân vật được thờ. Trong cùng là pho tượng thần Thiên Đế đang ngồi trên long ngai, tiếp đó có hai vị giữ sinh bạ và tử bạ trên thượng giới là Nam Tào và Bắc Đẩu. Bề ngoài cùng đặt toà Cửu Long tái hiện hình ảnh đức Phật Thích Ca lúc mới ra đời có chín rồng phun nước tắm và các tiên nữ, thiên thần đến chúc mừng.

Đền mẫu của chùa Khánh Hưng nằm về bên phải, sát phía sau Thượng điện của đền thờ Đế Thích. Đây là một kiến trúc nhỏ kiểu chữ đình gồm Tiên tế và Hậu cung. Nhà Tiên tế gồm ba gian xây kiểu “tường hồi bit đốc”, mái lợp ngói vẩy cá. Các vì đỡ mái được làm đơn giản kiểu “thượng rường - hạ kẻ”. Nếp nhà này được dùng để làm nơi thực hiện các nghi thức thờ cúng và là nơi toạ lạc của Ngọc Hoàng cùng các quan châu.

Hậu cung là nếp nhà dọc 3 gian nối với chính giữa của gian Tiên tế. Nhà có kết cấu đơn giản kiểu kèo cầu. Chính giữa của các gian xây những bệ thờ lớn. Bệ trong cùng đặt một khám, thờ, trong khám có dãy tượng ba vị thánh mẫu gồm

Mẫu Thiên, Mẫu Thủy và Mẫu Nhạc và hai cô cháu.

Trước điện mẫu có một am thờ nhỏ xây kiểu “hai tầng tám mái” với các góc đao cong vút lên. Đầu của mỗi đao trang trí hình rồng rất cầu kỳ. Bốn mặt bên đắp nổi các hình cúc lão, mai lão từng lốc và mai điền. Tuy có quy mô nhỏ song am thờ này vẫn có vẻ đẹp độc đáo, đáng được bảo vệ, giữ gìn.

Ngoài khu thờ tự, di tích chùa Vua còn có bàn cờ và nhà bia phục vụ cho lễ hội truyền thống hàng năm. Phần kiến trúc này nằm ngay bên khu đất rộng trước cổng tam quan của điện Thiên Đế. Theo bức ảnh cũ hiện còn thì nhà bia là một tổng thể kiến trúc. Theo các cụ già làng còn sống kể lại mặt bằng nhà bia là mỗi chiều dài 6m. Chính giữa nhà bia dựng một tấm bia lớn để ghi công tích của thần Đế Thích và họ tên những người đoạt giải thi cờ trong ba năm liền. Hàng lan can thấp, bao quanh nhà bia đều được xây bằng đá, mặt trước chạm khắc cầu kỳ các hoa văn trang trí phổ biến trong nghệ thuật điêu khắc ở thời Nguyễn⁽²⁾.

2. Nhân vật Đế thích trong Bát bộ Thủ hộ thần trong Phật giáo thế kỉ X cũng như Phật giáo thời Lý

Đế Thích là vị thần có địa vị quan trọng trong thần thoại Ấn Độ. Sách *Phật học đại từ điển* cho biết: Theo truyền thuyết Phật giáo, Đế Thích là vị thần chủ vùng trời Thao Lợi Thiên (tầng trời thứ 33). Giáo lí nhà Phật gọi vị chúa tể trên trời là Đế Thích. Khi Đức Phật Thích Ca ra đời, thần Đế Thích đã mừng nên trong nhiều ngôi chùa thờ Phật ở nước ta, tượng thần Đế Thích thường được đặt ở vị trí trang trọng ngang với Ngọc Hoàng. Một đôi nơi, cả Ngọc Hoàng lẫn Đế Thích tập trung vào cùng một nhân

vật và mang cả hai tên Ngọc Hoàng và Đế Thích.

Đế Thích là nhân vật được nhắc nhiều trong các kinh Phật ở Việt Nam vào thế kỉ X. Trong cột kinh tìm thấy ở Hoa Lư và được GS. Hà Văn Tấn dịch, giới thiệu có đoạn:

“Có thể tóm tắt bộ kinh Phật đỉnh tôn thắng đà la ni như sau: Có một ông vua tên là Thiện Trú (Supratisthita) sống xa xỉ hưởng lạc, một đêm nọ nghe có tiếng nói trong không trung báo cho biết 7 ngày nữa ông ta sẽ chết, sau đó sẽ hóa kiếp 7 lần thành các thú vật (lợn, chó, cáo, khỉ, rắn độc, chim thú, quạ) rồi phải chịu khổ hình ở địa ngục, có thành người cũng mù hai mắt. Thiện Trú hoảng sợ cầu cứu với Đế Thích (Cakradevanam Indra). Đế Thích đến kêu xin đức Phật bảy giờ đang ở trong thành Xá Vệ (Sravasti). Sau khi tỏa ánh hào quang, Phật mỉm cười nói cho Đế Thích rằng có một bài thần chú gọi là *Phật đỉnh tôn thắng đà la ni* có thể trừ được mọi khổ não sinh tử, mọi ác nghiệp tiền kiếp và mọi khổ hình địa ngục. Niệm bài Đà la ni đó còn được tăng tuổi thọ, được các thiên thần bảo vệ và các Bồ tát phù hộ... Sau đó, Phật đã đọc bài chú cho Đế Thích, để ông ta truyền lại cho Thiện Trú và phổ biến cho chúng sinh. Đó là bài thần chú tiếng Phạn mà một bản đã được khắc lên cột đá ở Hoa Lư⁽³⁾.

Trong Thiên Long bát bộ - tức là tám vị thần bảo vệ Phật giáo có chép:

Trong Phật pháp thường gặp Thủ hộ thần Thiên Long bát bộ, nằm ở giữa cõi

2. Xin xem hồ sơ xếp hạng di tích chùa Vua hiện lưu tại phòng Tư liệu - Ban Quản lý di tích và danh thắng Hà Nội.

3. Hà Văn Tấn. “Từ một cột kinh Phật năm 973 vừa phát hiện ở Hoa Lư”, trong sách: *Theo dấu các văn hoá cổ*. Nxb. HKXH, Hà Nội, 1997, tr. 791.

quỷ thần, thuộc một trong các loại quỷ thần, có quan hệ mật thiết với nhân gian. Thiên Long bát bộ bao gồm tám loại Thủ Hộ thần Hộ trì Phật pháp: Thiên Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca Lâu La, Khẩn na la và Ma Hầu la già. Tám loại chúng thủ bộ này đều có thần thông.

Thiên chỉ các thiên thần như Đại Phạm Thiên, Đế Thích Thiên, Tứ đại thiên vương... quả báo của họ rất thù thắng, lại có sắc thân quang minh thanh tịnh, tràn đầy sự hoan lạc sinh mệnh, có thể phi hành trong không trung và có túc mệnh thông phúc báo.

Long chỉ bát đại Long vương chủ tể loài thú tộc. Long vương có sức thần thông có thể làm mưa đúng thời gian, khiến ngũ cốc thế gian chín muồi, háo hiện thân rất to lớn, thậm chí có thể dùng thân quấn vài vòng quanh quả núi lớn, phóng ra độc hỏa, sấm sét, chớp giạt... các loại thần thông biến hóa.

Dạ Xoa chỉ loại quỷ thần có thể bay lượn trên không. Còn Càn Thát bà chỉ thần âm nhạc của Đế Thích Thiên vương, giỏi về gảy đàn, trong thần thoại Ấn Độ, nguyên là nhạc sư nửa người nửa thần ở trên trời dùng hương thơm làm thức ăn nên gọi là hương thần.

A Tu la định nghĩa là phi thiên Vô Đao chính hoặc Vô ích, bản tính A Tu la thích đánh nhau thường xuyên đánh nhau với Đế Thích thiên. A Tu la giống thiên nhân có thần thông quảng đại, trong kinh điển ghi sự tích vua A Tu la háo hiện thần thông đánh nhau thiên nhân. Một lần kia A Tu la suất lĩnh đại quân Tu La tiến đánh Đế Thích Thiên. Tu La vương đứng giữa biển lớn, trên đỉnh núi Tu Di, dùng 99 cánh tay, đồng thời lay động Hỷ Kiến thành nơi ở của Đế

Thích Thiên và lay động cả Tu Di sơn khiến nước biển của tứ đại hải hình thành nên những đợt sóng gần rú, thiên cung xảy ra chấn động lớn, Đế Thích Thiên hoảng hốt sợ hãi không biết chốn đi đâu. Bảy giờ trong thiên cung, các thiên thần liên tâu với Thiên vương: “Đại vương, ngài không nên hoảng sợ xưa kìa Đức Phật từng thuyết Bát Nhã Ba la mật, đại vương nên nhất tâm trì tụng, quý binh Tu la sẽ tự nhiên tan rã”.

Đế Thích Thiên vội vàng ngồi xuống Thiện Pháp đường đốt các loại danh hương, thành tâm cầu khẩn: “Bát Nhã Ba la mật là đại minh chú, vô đẳng đẳng chú, chân thực bất hủ, ta trì pháp này, sẽ thành Phật đạo, khiến A Tu La tự nhiên tan rã”. Do sức của thần chú Bát Nhã Ba la mật da Thiên vương vừa thốt dứt lời, trên hư không tự nhiên sinh khởi các loại vũ khí như dao, luân... và cũng tự nhiên bay xuống thân thể của A Tu la, tai, mắt, tay chân... của A Tu la trong hộp mắt bị dao kiếm cắt chêm. Khiến nước biển của đại hải bị nhuộm thành máu đỏ. A Tu la hoảng sợ, không nơi chạy trốn, chỉ có thể hiện khởi như ý thông biến cơ thể thu lại vô cùng nhỏ, trốn vào trong các lỗ của ngó sen trong hồ.

Ca Lâu La dịch nghĩa là Kim Xí điều (chim cánh vàng), thân hình vô cùng to lớn, hai cánh xòe ra, có khoảng cách là 3.360.000 ngàn dặm thức ăn chính là rồng.

Khẩn Na La giống như loài người nhưng đầu có sừng, cho nên còn gọi là nhân phi nhân hay còn gọi là Thiên kỉ thần, Ca thần. Ma Hầu La già tức Đại mang thần.

Tám bộ chúng này được uy đức của Phật cảm hóa, giữ gìn hộ trì Phật pháp.

Trong Bát bộ thủ hộ thân, ngoài thiên nhân, phần lớn có tướng mạo vô cùng kì đặc, uy mãnh, thậm chí hình tượng một số Hộ pháp thần khiến người ta cảm thấy kinh sợ, nhưng về cơ bản họ đều có thiện tâm, hoan hỉ hộ trì Phật pháp và người tốt.

Nhưng do cá tính, có khi vô cùng kì đặc, do đó mỗi một loại đều có kiêu mạn, sân tâm, tính cách, tham dục, si mê, nghi niệm và ngã chấp khác nhau. Thậm chí giữa họ, nhiều khi do không khế hợp nhân duyên xảy ra tranh đấu, thường xuyên phải mời Đức Phật xuống điều đình như câu chuyện Đế Thích Thiên và A Tu la là một thí dụ thường gặp nhất. Khi họ tranh đấu lẫn nhau, thường đánh nhau long trời lở đất, nhật nguyệt tối tăm, gây ra sự khủng hoảng vô cùng to lớn. Còn Ca Câu La (Kim Xí điều) trời sinh thích ăn rồng, khiến cho loài rồng bất đắc dĩ phải cầu cứu Đức Phật, cuối cùng cũng phải do Phật điều đình, mới có thể yên ổn vô sự⁴.

3. Quá trình Việt Hóa từ Đế Thích tới Vua Cờ

Ngoài vị trí là chúa tể tầng trời Thao Lợi, thần Đế Thích còn được truyền thuyết dân gian Việt Nam đưa lên là bậc giỏi nhất trong nghệ thuật đánh cờ. Những sự linh dị của thần đã được Võ Phương Đề tiến sĩ khoa Bính Ngọ đời Lê Y Tông (1736) chép trong sách *Công Dư tiếp kí*, có câu chuyện “Hồn Trương Ba da hàng thịt” được lưu truyền rộng rãi khắp cả nước.

Trương Ba là người làng Liêu Hạ, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Tuy tuổi còn trẻ nhưng đánh cờ tướng rất cao. Bao nhiêu giải cờ trong hội hè mùa xuân đều về tay anh ta. Tiếng đồn vang khắp nước, sang đến tận Trung Quốc. Tại Trung Quốc lúc đó, có ông Kỵ Như cũng

nổi tiếng cao cờ. Khi nghe tiếng Trương Ba, Kỵ Như liền xách khăn gói sang nước Nam thi đấu. Hai người do tài nhau trong mấy ván không phân thắng bại. Đến ván thứ ba, Trương Ba dồn Kỵ Như vào thế bí. Thấy đối phương vô đầu, bút tai suy nghĩ, Trương Ba kiêu hãnh bảo:

- Nước cờ này dù có Đế Thích xuống đây cũng đừng có mong gỡ nổi.

Bấy giờ Đế Thích là thần cờ đang ngồi ở Thiên đình, nghe được câu nói hỗn xược ấy của Trương Ba, liền cười mây xuống trần để cho y biết tay. Trương Ba và Kỵ Như đang đánh cờ, chợt thấy một ông già đến ngồi bên cạnh. Ông cụ thủng thỉnh mách cho Kỵ Như mấy nước làm cho ông này chuyển từ bại sang thắng. Trương Ba cau có, trong bụng tức giận ông già ở đâu đến làm cho mình lâm vào thế bí. Song nhìn lại thấy ông cụ râu tóc trắng xoá, mặt mũi không có vẻ là người trần tục, chợt hiểu, liền quỳ xuống mà thưa rằng: - Ngài hẳn là Đế Thích đây rồi! Con là người trần mắt thịt không biết, xin được thứ lỗi!

Đế Thích cười bảo:

- Ta nghe nhà ngươi tự phụ là cao cờ nên xuống xem cho biết!

Trương Ba liền giữ Đế Thích ở lại, mua rượu, giết gà khoản đãi rất chu tất. Đế Thích tuy mới gặp lần đầu cũng đã yêu mến Trương Ba. Thấy anh chàng này khấn khoản muốn học nước cờ của mình. Đế Thích bèn bảo:

- Ta thấy nhà ngươi có bụng chân thành, vậy ta cho nén hương này, mỗi lần cần đến ta thì thắp lên một cây, ta sẽ xuống.

4. Xem: Nguyễn Tuệ Chân (biên soạn). *Toàn tập giải thích phép thần thông Phật giáo*, Nxb. Tôn giáo, 2010, tr. 32-35.

Nói đoạn cười mây bay lên trời.

Từ đó Trương Ba lại thỉnh thoảng dọn cỗ mời thần Đế Thích xuống chơi. Hai bên rất tương đắc.

Một hôm, Trương Ba bị thần chết mang đi đột ngột. Sau khi chôn cất chồng, người vợ dọn dẹp nhà cửa, thấy có nén hương giắt ở trên mái nhà. Thị vô tình lấy hương xuống thắp trước ban thờ chồng mình.

Trên thiên đình, người thấy mùi hương, thần Đế Thích bèn bay ngay xuống chơi với Trương Ba. Đến nơi không thấy Trương Ba đâu, Đế Thích ngạc nhiên hỏi người vợ. Thị thút thít, sụt sùi thưa rằng:

- Nhà con đã chết được gần tháng nay rồi!

Đế Thích thốt lên:

- Sao lúc mới tắt nghỉ sao không gọi ta xuống ngay, để đến bây giờ làm sao được nữa!

Suy ngẫm một lát, Đế Thích lại hỏi:

- Trong xóm hiện nay có ai mới chết không?

Vợ Trương Ba đáp:

- Có một người hàng thịt mới chết tối hôm qua.

Thần Đế Thích bảo thị dẫn mình đến nhà người hàng thịt và nói:

- Ta sẽ kiếm cách cho chồng nhà ngươi sống lại!

Nói xong thần hoá phép và trở về trời. Sau đó, hồn Trương Ba được nhập vào xác của anh hàng thịt. Anh hàng thịt sống lại và trở thành người đánh cờ rất cao không có ai địch nổi⁽⁵⁾.

Nơi thờ thần Đế Thích, chùa Vua hàng năm có lễ hội khá đặc biệt. Đó là những trận thi đấu cờ trước sân chùa. Lễ hội được tổ chức vào ngày mùng 6, 7, 8 và 9 tháng giêng hàng năm. Ngày đầu khảo hạch (đấu loại), hội cờ các nơi cử đại diện đến thi đấu vào lễ thần trình diện sau đó phải đấu với một người trong ban tổ chức của làng Thịnh Yên. Có vượt qua vòng sơ tuyển này mới chính thức được vào tranh giải trong cuộc thi những ngày tiếp sau diễn ra các cuộc thi tài sỏi nổi theo thể thức loại trực tiếp. Khi đấu cờ, có người cầm chịch. Những người dự cuộc, nếu lọt nhất thắng sẽ vào nhì thắng, qua nhì thắng thì vào tam thắng... Ai giành được phần thắng chung kết ấy là người phá giải cờ. Lệ của làng đã quy định người đoạt giải ba năm liền sẽ được ghi tên bên tấm bia đá đặt tại nhà bia ở ngay sát sân cờ.

Hội cờ hàng năm là nơi đo tài cao thấp của không những danh thủ cờ trong nước mà cả các nước lân cận như Lào, Campuchia và Trung Quốc.

Tới đây chúng ta không còn nghe nói tới Đế Thích nữa mà chỉ còn hình bóng của một anh chàng hồn Trương Ba mà da lại là của anh Hàng Thịt. Rõ ràng quá trình chuyển hóa từ Đế Thích tới Trương Ba đã thành công trong tư duy tâm linh của người Việt./.

5. Xem Bản thần tích hiện đang lưu tại Chùa Vua (Hà Nội) và Đền Thiên Đế làng Lưu Cầu – Yên Mỹ - Hưng Yên.